

SINH KẾ MỚI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ KHU VỰC VEN BIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

Trần Thị Ánh Nguyệt^{1*}, Lê Thị Hoa Sen¹, Tsutsui Kazunobu², Hoàng Dũng Hà¹,
Đỗ Thị Việt Hương², Bùi Thị Thu², Nguyễn Ngọc Lan Chi³, Hồ Lê Phi Khanh³

¹Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

²Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế;

³Trung tâm phát triển nông thôn Miền Trung, Đại học Nông Lâm.

*Tác giả liên hệ: tranthianhnguyet@huaf.edu.vn.

Nhận bài: 11/05/2024 Hoàn thành phản biện: 30/06/2024 Chấp nhận bài: 02/07/2024

TÓM TẮT

Sinh kế sau đại dịch COVID-19 là một trong những vấn đề cấp bách đối với người lao động di cư. Trước đó tác động của đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường lao động, gây ra khủng hoảng việc làm, thu nhập chưa từng có trước đây. Chính vì vậy, sau khi dịch bệnh được kiểm soát người lao động di cư càng mong muốn có nhiều cơ hội sinh kế để vượt qua cú sốc và có chất lượng cuộc sống tốt hơn. Nghiên cứu này nhằm khám phá những chiến lược sinh kế sau dịch của người lao động di cư, đặc biệt ở khu vực ven biển của tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu thu thập dữ liệu thông qua khảo sát người lao động di cư quyết định ở lại quê, thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu người lao động di cư cũng như các ban ngành đoàn thể liên quan. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, người lao động di cư đã có những hoạt động sinh kế mới. Tuy nhiên, vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thử thách khi quyết định ở lại quê nhà. Do đó, nghiên cứu sẽ gợi mở những chính sách chương trình hỗ trợ đối với người lao động di cư, nâng cao năng lực, phát triển chiến lược sinh kế mới thay thế tại địa phương và hướng đến cải thiện các chương trình an sinh xã hội.

Từ khóa: Người lao động di cư, Khu vực ven biển, Đại dịch COVID-19, Chiến lược sinh kế

WHEN THE COVID-19 PANDEMIC IS OVER: MIGRANT WORKERS STAY IN THEIR HOMETOWN WITH NEW LIVELIHOOD ACTIVITIES – A CASE IN COASTAL COMMUNITIES OF THUA THIEN HUE PROVINCE

Tran Thi Anh Nguyet^{1*}, Le Thi Hoa Sen¹, Hoang Dung Ha¹, Tsutsui Kazunobu²,
Do Thi Viet Huong², Bui Thi Thu², Nguyen Ngoc Lan Chi³

¹ University of Agriculture and Forestry, Hue University;

² University of Sciences, Hue University;

³ Center for Rural Development in the Central Vietnam, Nong Lam University.

*Corresponding author: tranthianhnguyet@huaf.edu.vn

Received: May 11, 2024

Revised: June 30, 2024

Accepted: July 2, 2024

ABSTRACT

Livelihood post the COVID-19 pandemic is one of the urgent issues for migrant workers. The impacts of the pandemic on migrant workers are huge with job loss, reduced income, and difficult lives. Therefore, once the pandemic is controlled, migrant workers want more livelihood opportunities to overcome the shock and have a better quality of life. This study aimed to explore the pandemic livelihood strategies of migrant workers, particularly in the coastal areas of Thua Thien Hue province. Data was collected through surveys of migrant workers who chose to remain in their hometowns, as well as through in-depth group discussions with these workers and interviews with relevant local officials. The findings reveal that migrant workers have adopted new livelihood activities. However, there are still many difficulties and challenges when deciding to stay in their hometown. Therefore, the study will suggest policies and programs to support migrant workers, improve capacity develop new alternative local livelihood strategies and improve welfare programs in society.

Keywords: Migrant workers, Coastal, COVID-19 pandemic, Adaptive strategies

1. MỞ ĐẦU

Di cư lao động là một trong những chiến lược sinh kế của người lao động di cư khu vực ven biển từ sau sự cố môi trường Formosa 2016 (Châu và An, 2018). Tuy nhiên, hiện tượng di cư ngược trở lại từ thành thị trở về lại nông thôn ngày càng phổ biến. Đặc biệt, giai đoạn từ 2021-2022 người lao động di cư trở về ồ ạt do dịch bệnh COVID-19 bùng phát mạnh mẽ ở Việt Nam (Sen và cs., 2022; Nguyễn và cs., 2021). Mặc dù, dịch bệnh đã được kiểm soát nhưng hậu quả để lại thì quá lớn và cần thiết những chủ trương chính sách của Đảng khôi phục nền kinh tế sau dịch. Chính phủ đã ban hành những gói cứu trợ tài chính, đồng thời với những chủ trương chính sách thu hút lao động quay trở lại nơi làm việc trước đây (Quyết và cs., 2022). Tuy nhiên, việc khôi phục vẫn còn khó khăn đối với các doanh nghiệp, nhà máy nên nhiều công ty và xí nghiệp buộc phải đóng cửa, hạn chế nhân công. Đáng chú ý, trong năm 2023 tỷ lệ thất nghiệp trong cả nước vẫn ở mức cao với gần 1 triệu lao động thất nghiệp (Tổng cục thống kê, 2023). Hậu quả của tình trạng này là người lao động di cư không lựa chọn di cư trở lại mà quyết định ở lại quê (Lê và cs., 2022).

Thừa Thiên Huế là tỉnh thành có tỷ lệ người lao động di cư trở về với số lượng lớn với gần 25.160 người trong năm 2020 đến 2022. Trong đó người lao động trở về các xã ven biển của tỉnh là nhiều nhất với gần 35% (Phước, 2022). Hơn thế nữa, sau dịch tỷ lệ người lao động di cư quyết định ở lại quê vẫn rất cao. Chính vì vậy, đây cũng là áp lực lớn đối với địa phương khi phải có những chiến lược ổn định sinh kế, an ninh lương thực và an sinh xã hội cho người lao

động di cư trở về. Tuy nhiên, những nghiên cứu liên quan đến sinh kế của người lao động di cư sau đại dịch COVID-19 vẫn chưa nhiều.

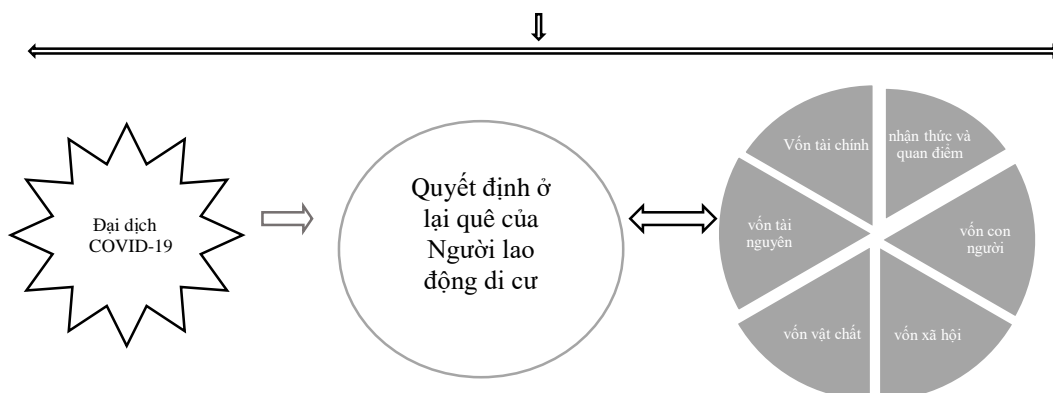
Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu sinh kế mới của những người lao động di cư ở lại quê nhằm thúc đẩy ổn định sinh kế cho người dân ở khu ven biển. Thông qua việc phân tích khó khăn, thách thức trong việc phục hồi sinh kế thay thế, nghiên cứu sẽ cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách và chính quyền địa phương tham gia vào việc ổn định sinh kế cho người lao động di cư. Mục tiêu cuối cùng của nghiên cứu là tác động đến người lao động di cư, đồng thời thúc đẩy đề hướng đến sinh kế bền vững cho người di cư lao động ven biển.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Nghiên cứu này tiến hành phân tích sinh kế của người lao động di cư dựa trên khung nghiên cứu phân tích sinh kế của DFID có sự điều chỉnh của Yazdanpanah (Yazdanpanah và cs., 2021). Khung nghiên cứu nhấn mạnh đến 5 vốn sinh kế chính đó là (vốn vật chất, vốn xã hội, vốn con người, vốn tài chính, vốn tài nguyên) và bổ sung thêm một nguồn vốn khác đó là nhận thức và quan điểm. Dựa trên khung nghiên cứu này, nghiên cứu sẽ phân tích những nguồn vốn sinh kế của người lao động và quan điểm nhận thức của họ về những khó khăn và thách thức khi quyết định ở lại quê phục hồi sinh kế. Bên cạnh đó, khung phân tích sinh kế cũng quan tâm đến yếu tố tác động của các thể chế và chính sách của chính phủ để hướng đến sinh kế ổn định sau đại dịch COVID-19.

CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ



Sơ đồ 1. Khung phân tích tính tổn thương về sinh kế và đời sống tâm lý-xã hội của người lao động di cư do đại dịch COVID-19

Nguồn: Điều chỉnh từ khung của Yazdanpanah (2020)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Nghiên cứu lựa chọn ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế bởi đây là địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao trong cả nước và cũng là các xã thuộc danh mục xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ quyết định 353/QĐ-TTg (Thủ tướng chính phủ, 2022). Nơi có tỉ lệ lao động di cư cao của tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2016 sau sự cố môi trường biển Formosa (Châu và An, 2018). Từ năm 2021-2023 đại dịch COVID-19 xảy ra tỷ lệ người lao động di cư quay trở về cao. Việc tập trung nghiên cứu tại đây sẽ giúp hiểu rõ hơn về sinh kế, khó khăn và thách thức của người lao động di cư (Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, 2021).

2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Trước hết nghiên cứu sẽ tiến hành thu thập thông tin qua các nghiên cứu có liên

quan, bài báo trong nước và quốc tế về phục hồi sinh kế của người lao động di cư sau đại dịch COVID-19. Ngoài ra, tổng hợp các báo cáo kinh tế – xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế và các xã ven biển cũng như các văn bản chính sách của nhà nước về hỗ trợ sinh kế cho người lao động di cư sau dịch COVID-19.

Người lao động di cư khi ở lại quê phải thực hiện đăng ký tạm trú tại địa phương. Do đó, chính quyền địa phương nắm danh sách người lao động ở lại quê sau đại dịch COVID-19. Nghiên cứu tiến hành rà soát và lập danh sách những người lao động di cư quyết định ở lại quê sau dịch ở 6 xã nghiên cứu ở khu vực ven biển. Bên cạnh đó, phỏng vấn sâu cán bộ chính quyền để nắm được thông tin người lao động di cư ở lại quê trên địa bàn nghiên cứu.

Bảng 1. Số lượng người lao động di cư ở lại sau dịch COVID-19 ở các xã ven biển

Các xã ven biển	Số lao động di cư ở lại quê	Mẫu (n=60)
Hải Dương	45	10
Quảng Công	60	12
Quảng An	22	8
Quảng Ngạn	31	8
Vinh Hiền	69	12
Vinh Hưng	83	12

Nguồn: Báo cáo của các thôn ở các xã ven biển (2024)

Nghiên cứu kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Đối với phương pháp định lượng, nghiên cứu đã tiến hành thu thập từ phỏng vấn bằng bảng hỏi bán cấu trúc với 60 người lao động di cư (28 lao động nam và 32 lao động nữ) bằng phương pháp ngẫu nhiên có hệ thống bằng cách cứ 3 người trong danh sách sẽ chọn 1 người lao động di cư. Tương đương mỗi xã chọn ra từ 8 đến 12 người lao động di cư ở mỗi xã, với tổng số mẫu là 60 người lao động di cư ở lại.

Ngoài ra, đối với phương pháp định tính nghiên cứu tiến hành phân nhóm chủ đề và nội dung phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Sau đó sẽ tiến hành phỏng vấn sâu 6 lao động di cư (3 nam và 3 nữ); tổ chức 3 cuộc thảo luận nhóm người lao động di cư (8-10 người/nhóm) tại 3 xã, nhằm có được các thông tin sâu về những khó khăn của người lao động di cư ở lại quê phục hồi sinh kế và các chương trình hỗ trợ. Trong quá trình thu thập thông tin nghiên cứu còn thành lập nhóm Zalo, liên lạc qua điện thoại đối với người lao động di cư để thu thập thông tin và kiểm tra độ tin cậy của các thông tin thu thập.

2.2.3. Phương pháp phân tích thông tin

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả gồm giá trị trung bình và tỷ lệ % để phân tích các chỉ tiêu sự thay đổi thu nhập trước và sau dịch COVID-19, các nguồn vốn sinh kế, những khó khăn về khả năng phục hồi sinh kế sau dịch COVID-19 của người lao động di cư. Các ý kiến được thu thập qua phương pháp phỏng vấn sâu được đánh giá bằng phương pháp phân tích nội dung (Content Analysis

Method) – tức là các phỏng vấn được mã hóa và phân nhóm thành các chủ đề hoặc các từ khóa, sau đó được sử dụng trích dẫn phù hợp để làm rõ các nội dung phân tích của nghiên cứu (Krippendorff, 2018).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình sinh kế của người lao động di cư ở lại quê sau dịch COVID-19

Khi dịch bệnh bùng phát người lao động di cư trở về tỉnh Thừa Thiên Huế với 22.156 nghìn người, trong đó các xã ven biển chiếm 35%. Trong kết quả nghiên cứu khảo sát đợt 1 với 298 người lao động di cư trở về do dịch ở 6 xã, người lao động di cư có độ tuổi trung bình 34,6 tuổi. Đến nay vào cuối năm 2022 khi dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ người lao động di cư quyết định ở lại quê phục hồi sinh kế với tổng số của 6 xã.

Hầu hết người lao động di cư ở lại quê có sinh kế đa dạng nhưng chủ yếu dựa vào nguồn lực sinh kế biển, nghề nghiệp đã làm trước khi đi làm ăn xa. Trong đó đánh bắt thủy hải sản, dịch vụ thủy sản là 2 ngành thu hút lực lượng lao động di cư ở lại quê phát triển sinh kế. Bên cạnh đó, ngành nghề tự do trở nên phổ biến với những người lao động di cư có nguồn lực hạn chế về nguồn vốn và trình độ tay nghề. Công việc chủ yếu buôn bán, phụ hồ và phụ giúp việc nhà ngay tại địa phương hoặc các địa phương lân cận. Thu nhập bình quân của người lao động di cư hàng tháng từ 3-10 triệu đồng/tháng, tùy thuộc vào ngành nghề mà họ tham gia vào. Với mức thu nhập chỉ vừa đủ trang trải cho các khoản sinh hoạt phí cho gia đình, nhiều gia đình còn gặp nhiều khó khăn khi thu nhập thấp.

Bên cạnh đó, những hộ gia đình có nguồn vốn đã tận dụng tài nguyên ven biển và chính sách của địa phương phát triển du lịch cộng đồng đã chuyển hướng kinh doanh dịch vụ thủy sản, khu du lịch, nhà hàng... tham gia vào giải quyết vấn đề việc làm cho địa phương, phát triển sinh kế cho người lao động di cư. Qua đây, cho thấy tình hình sinh kế thay thế của người lao động di cư sau dịch COVID là vấn đề quan tâm cấp thiết của chính quyền và người lao động di cư.

3.2. Đặc điểm nhân khẩu học của người lao động di cư ở lại quê sau dịch COVID-19

Bảng 1 cho thấy người lao động di cư ở lại quê có độ tuổi trung bình là 45 tuổi (Bảng 2). Điều này cho thấy họ đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm từ những năm làm việc ở thành thị, có thể áp dụng những kiến thức này để xây dựng sinh kế mới ở quê. Trong đó, tỉ lệ người lao động di cư kết hôn quyết định ở lại quê nhiều hơn so với người độc thân, lần lượt là 78,8% và 22,2%. Về mặt giới tính, phần lớn người ở lại là nữ lao động di cư (60%) so với nam lao động di cư là (40%). Điều này có thể do

nam giới thường đảm nhận vai trò trụ cột kinh tế gia đình và có áp lực từ gia đình ở quê cần tiền chuyển về hàng tháng (Nguyệt và cs., 2023; Sen và cs., 2022; Lan, 2022).

Trình độ văn hóa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn ở lại quê, hầu hết người lao động di cư ở lại quê là cấp 1 (40,8%) và cấp 2 (51,0%). Ngược lại những người lao động có trình độ chuyên môn cao như cao đẳng (5,0%) và đại học (4,3%) thì tỷ lệ lựa chọn ở lại quê rất thấp. Người lao động trình độ cao dễ dàng tìm kiếm công việc trở lại tại thành phố lớn do nhu cầu thị trường lao động rất lớn, họ cũng có xu hướng mong muốn công việc lương cao thay vì chấp nhận ở quê với thu nhập thấp. Ngoài ra, những người lao động di cư đã lập gia đình (78,8%) quyết định ở lại quê nhiều hơn so với người lao động di cư độc thân (22,2%), trách nhiệm với gia đình và con cái chi phối đến quyết định đi di cư trở lại, những lo lắng và sợ hãi vẫn còn sau dịch và bản thân người lao động di cư cũng mong muốn ở lại quê lập nghiệp và gần gũi với gia đình.

Bảng 2. Đặc điểm nhân khẩu học của người lao động di cư ở lại quê

Chỉ tiêu	Trung bình (N= 60)	Tỷ lệ %
1. Độ tuổi của lao động di cư	45	
2. Giới tính của lao động di cư		
Nam		40
Nữ		60
3. Trình độ văn hóa	8,5	
Tiểu học		40,8
Trung học cơ sở		51,0
Trung học phổ thông		8,2
4. Trình độ tay nghề		
Trung cấp nghề		40,6
Khóa đào tạo ngắn hạn		34,3
Cao đẳng nghề		15,8
Đại học		5,0
Chưa qua đào tạo		4,3
5. Tình trạng hôn nhân		
Kết hôn		78,8
Chưa kết hôn		22,2

3.2. Vốn sinh kế của người lao động di cư ở lại quê sau dịch COVID-19

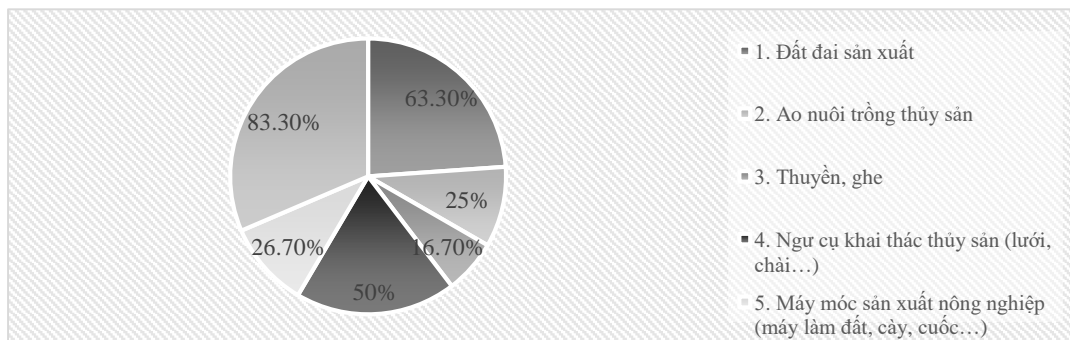
3.2.1. Vốn con người

Liên quan đến vốn con người, trình độ học vấn được xem xét như là yếu tố quyết định đến khả năng phục hồi sinh kế của người lao động di cư. Kết quả Bảng 2 cho thấy, người lao động di cư ở lại quê trình độ văn hóa thấp, trình độ tay nghề chủ yếu là trung cấp và trình độ đại học chiếm tỷ lệ thấp (5,0%). Chính những điều này là rào cản ảnh hưởng đến sự phục hồi sinh kế của người lao động di cư. Tuy nhiên, với những chính sách của chính phủ phát triển lực lượng lao động ở địa phương, nhiều cơ hội đào tạo nghề nghiệp đối với người lao động di cư nâng cao trình độ tay nghề. Lao động di cư nữ ở lại quê nhiều hơn so với nam lao động di cư với tỷ lệ 60%, nữ lao động di cư với vai trò quản lý chi tiêu gia đình sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài chính. Lồng ghép các chương trình hỗ trợ để nâng cao vai trò năng lực cho nữ lao động di cư. Ngoài ra, kết quả thảo luận nhóm người lao động di cư cũng cho thấy nhiều người lao động di cư đã thay đổi nhận thức, khi họ nhận thấy rằng nhiều người dân ở nông thôn đã làm giàu và đảm bảo cuộc sống tốt hơn so với họ dựa trên những chủ trương và chính sách phát triển nông thôn ở địa phương. Do đó, nhiều người lao động di cư quyết định ở quê phục hồi đầu tư phát triển sinh kế mới.

3.2.2 Vốn vật chất

Người lao động di cư khi trở về do dịch bệnh họ gặp nhiều thử thách về thu nhập, thậm chí nhiều người lao động đã từ bỏ hết tài sản vật chất ở nơi di cư đến để trở về quê. Do đó, nghiên cứu này chỉ tập trung vào những vốn vật chất đáp ứng hoạt động sản xuất. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù đã rời quê đi làm ăn xa nhưng họ vẫn còn giữ đất đai để sản xuất với tỷ lệ 63,3% và máy móc để sản xuất là 26,7%, điều này giúp họ dễ dàng đầu tư và sản xuất trở lại. Tuy nhiên, diện tích sản xuất nông nghiệp khu vực ven biển gặp nhiều trở ngại vì xâm nhập mặn, diện tích nhỏ lẻ và khả năng phù hợp với cây trồng rất thấp. Bên cạnh đó, kết quả Biểu đồ 1 cũng cho thấy, nhiều người di cư lao động vẫn còn ao nuôi trồng thủy sản là 25%, ghe thuyền đảm bảo khai thác thủy sản là 16,7% và ngư cụ khai thác thủy sản 50%. Trước khi di cư làm ăn xa người lao động di cư ven biển chủ yếu làm nghề khai thác thủy sản và tận dụng nguồn lợi từ biển, đầm phá. Do đó, với những tiềm năng vật chất để khai thác thủy sản sẵn có giúp họ dễ dàng quay trở lại với nghề khai thác thủy sản trước đây để đảm bảo thu nhập giải quyết vấn đề việc làm trước mắt. Ngoài ra, có 83,3% người lao động di cư có nhà cửa khi quay trở về giúp họ một phần nào đó ổn định cuộc sống. Nhưng cũng có đến 17,7% người di cư phải thuê nhà để ở nhưng họ vẫn quyết định ở lại quê. Việc lựa chọn ở lại quê sẽ khiến họ rơi vào tình cảnh khó khăn nhưng cùng với sự hỗ trợ của người thân và gia đình sẽ giúp họ giảm bớt những lo lắng.

Biểu đồ 1. Vốn vật chất của người lao động di cư ở lại quê sau dịch COVID-19



3.2.3. *Vốn tự nhiên*

Đặc trưng khí hậu cũng ảnh hưởng đến khả năng phục hồi sinh kế của người lao động di cư ở lại quê ở khu vực ven biển. Khu vực miền trung với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, mưa bão lũ và hạn hán kéo dài. Thêm vào đó là tình trạng đất đai khô cằn, xâm nhập mặn làm thu hẹp diện tích nông nghiệp gây nên những khó khăn và rào cản cho việc đầu tư sản xuất. Điều đáng chú ý, trong năm 2016 sự cố môi trường biển làm cho hoạt động sinh kế biển tạm dừng hoạt động. Những năm trở lại đây với những nỗ lực phát triển tài nguyên biển khu vực đầm phá, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành nhiều quyết định nhằm quy hoạch vùng sản xuất và quản lý khai thác thủy sản, cấp chứng chỉ khai thác thủy sản (Ngũ, 2012). Chính những điều này mang lại những cơ hội cho người lao động di cư có thể đầu tư phát triển sinh kế liên quan đến nhóm ngành thủy sản.

Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những chính sách phát triển du lịch cũng đẩy mạnh sự phát triển kinh tế ở các khu vực biển (Thảo, 2023). Đặc biệt là đẩy mạnh quản lý nguồn tài nguyên dựa vào cộng đồng, các hoạt động du lịch cộng đồng. Trong năm 2020, tỉnh thành lập Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang – Cầu Hai, được thành lập tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20 tháng 2 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Ha, 2021 #1229). Với những chính sách này vừa thu hút người lao động tham gia và cũng mở ra nhiều cơ hội sinh kế mới. Do đó, người lao động di cư trở về họ sẽ được hưởng từ những chính sách của địa phương khi tham gia vào các mô hình sinh kế mới như du lịch, phát triển sinh kế cộng đồng

ven biển hoặc các loại hình kinh doanh dịch vụ mới.

3.2.4. *Vốn xã hội*

Các nghiên cứu đều cho thấy vốn xã hội đóng vai trò quan trọng trong các chiến lược sinh kế. Trong nghiên cứu của Gautie, 2011 đã khẳng định những môi trường xung quanh như hàng xóm, như gia đình, bạn bè là những “hỗ trợ gần” (protections rapprochees). Sự hỗ trợ này chủ yếu dựa quan hệ huyết thống hoặc sự tin cậy lẫn nhau. Trong lao động di cư “hỗ trợ gần” đóng vai trò rất quan trọng đáp ứng các thông tin và trao đổi nơi di cư đến và đi của người lao động (Gautié, 2011). Chính vì vậy, nghiên cứu này xem xét vốn xã hội trong các mối quan hệ hàng xóm láng giềng, hỗ trợ của người thân, những hỗ trợ từ chính quyền địa phương và đoàn thể. Qua kết quả khảo sát cho thấy, sau khi đại dịch COVID-19 quyết định ở lại quê người lao động di cư luôn nhận được sự hỗ trợ. Trong đó hỗ trợ vay vốn là loại hỗ trợ mà người lao động nhận nhiều nhất với 74,6%, tiếp đến là hỗ trợ vật tư và máy móc sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Những nguồn hỗ trợ chủ yếu từ người thân (69,5%) và chính quyền địa phương (60,3%). Đây có lẽ là một phong tục truyền thống điển hình của xã hội nông thôn Việt Nam “lá lành đùm lá rách”, hành động tập thể và sự hỗ trợ của cộng đồng dành cho nhau làm tăng cường khả năng phục hồi. Ngoài ra, chính quyền địa phương đã có những chính sách hỗ trợ thiết thực với người lao động di cư, cụ thể là những hỗ trợ thủ tục hành chính đăng ký như hộ khẩu, thường trú và nhập học con cái luôn luôn được ưu tiên triển khai thúc đẩy nhanh chóng việc ổn định cuộc sống.

Bảng 3. Các loại và nguồn lực hỗ trợ cho người lao động di cư sau dịch COVID-19

Đơn vị: %

Loại hỗ trợ	Tỷ lệ (%)
Hỗ trợ vay vốn/tiền mặt	74,6
Hỗ trợ vật tư và máy móc sản xuất nông nghiệp và thủy sản	41,8
Hỗ trợ thủ tục hành chính (hộ nghèo, nhập học con cái)	20,2
Hỗ trợ nhà cửa/thuê đất đai	18,5
Nguồn hỗ trợ	
Người thân	69,5
Chủ thuê lao động	64,8
Hàng xóm láng giềng	50,4
Bạn bè	51,3
Chính quyền địa phương	60,3
Nguồn khác	4,0

3.2.5. Vốn tài chính

Khi xem xét nguồn vốn tài chính đối với người lao động di cư ở lại quê trong bối cảnh đại dịch COVID-19 qua đi, nghiên cứu tập trung tìm hiểu là những hỗ trợ vay vốn tín dụng, hỗ trợ bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng và chương trình hỗ trợ sau dịch dành cho người lao động di cư. Khi dịch bùng phát nhà nước đã thực hiện gói cứu trợ 62.000 tỷ đồng dành cho người lao động, người yếu thế trong xã hội. Trong đó, người lao động di cư được nhận hỗ trợ 3 triệu đồng/tháng đối với người có bảo hiểm xã hội là 71,8%. Riêng đối với lao động tự do

không có bảo hiểm hay hợp đồng lao động thì được nhận 1,8 triệu đồng/tháng với 60,5% tiếp cận được gói hỗ trợ. Ngoài ra, người lao động di cư còn nhận thêm những hỗ trợ tài chính từ người thân, gia đình, bạn bè và chính quyền địa phương hỗ trợ vay vốn. Vẫn có những trường hợp người lao động phải rút hết tiền tiết kiệm để đảm bảo chi tiêu, vay mượn rơi vào cảnh nợ nần khi không có khả năng chi trả sau dịch bệnh qua đi. Tuy nhiên, người lao động di cư còn gặp nhiều khó khăn về thủ tục hành chính vay vốn, thông tin về vay vốn vẫn còn hạn chế. Do đó, nguy cơ tái di cư trở lại và nghèo đói cũng bắt đầu xuất hiện.

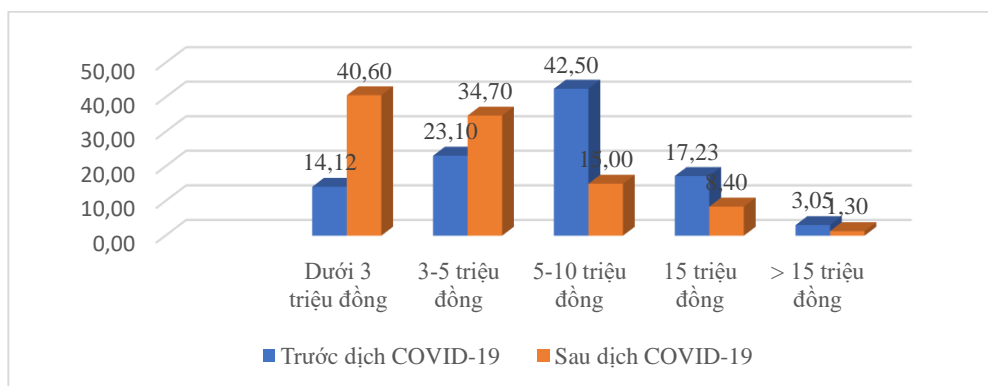
Bảng 4. Tiếp cận gói hỗ trợ của chính phủ của người lao động di cư

Đơn vị: %

Gói hỗ trợ	Có nhận hỗ trợ	Không có nhận hỗ trợ
Hỗ trợ thất nghiệp 3 triệu đồng/tháng	71,8%	28,2%
Hỗ trợ lao động tự do 1,8 triệu đồng/tháng	60,5%	38,5%

Biểu đồ 2 cho thấy, nếu trước khi dịch xảy ra thu nhập tập trung chủ yếu ở mức 5-10 triệu đồng với 42,5%, đây là mức thu nhập cơ bản mà đủ để người di cư đảm bảo chi tiêu và tiết kiệm gửi tiền hàng tháng về quê. Đến hiện nay, khi đại dịch qua đi thu nhập giảm sút đáng kể chủ yếu là 3 triệu đồng (40,6%) và 3-5 triệu đồng (34,7%). Điều này cho thấy, công việc của người lao động di cư vẫn còn bấp bênh, lao động tự do như phụ việc nhà, thợ hồ, buôn bán rong... Với mức thu nhập này gây ra nhiều khó

khăn để trang trải cuộc sống cũng như đầu tư phục hồi sinh kế trở lại. Bên cạnh đó, tỷ lệ rất nhỏ 8,4% người lao động di cư có mức thu nhập từ 10-15 triệu đồng. Với mức thu cao này đa phần là những người trình độ cao ở lại quê, họ đầu tư các cơ sở kinh doanh mới như nhà hàng, quán cà phê hoặc các chủ cơ sở thu mua thủy sản, sửa chữa tàu thuyền. Nhìn chung, hoạt động sinh kế của người lao động trình độ cao đã tạo thêm nhiều việc làm cho những người lao động khác ở địa phương.



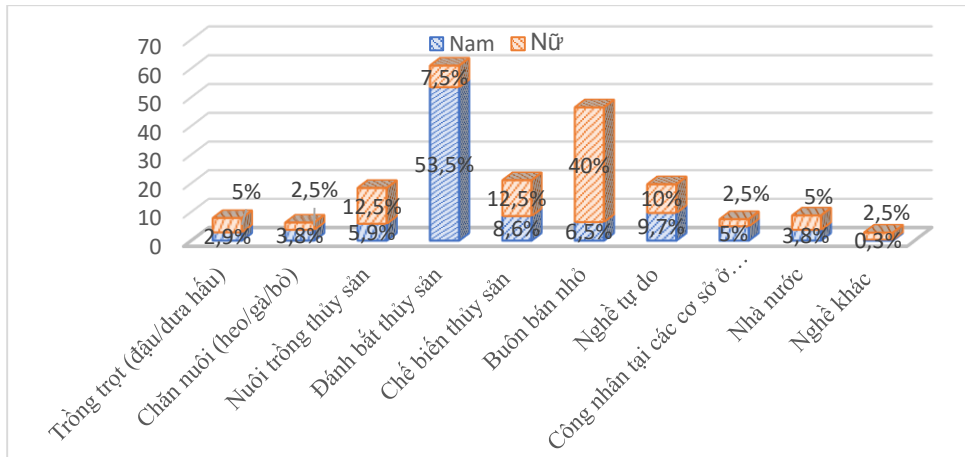
Biểu đồ 2. Sự thay đổi về thu nhập của người lao động trước và sau đại dịch COVID-19

3.3. Sinh kế thay thế của người lao động di cư ở lại quê do đại dịch COVID-19

Do cú sốc quá lớn của đại dịch, người lao động di cư càng nhận thức rõ hơn những rủi ro về kinh tế – xã hội của việc tái di cư, nên quyết định ở lại quê được nhiều người lao động di cư lựa chọn. Biểu đồ 3 cho thấy, người lao động di cư lựa chọn nghề đánh bắt thủy sản nhiều nhất với 30,5%. Điều này là do đây là công việc gắn liền nhiều năm và cũng có kinh nghiệm nên dễ dàng thực hiện. Kết quả nghiên cứu cũng tương tự với nghiên cứu sự cố môi trường biển miền trung, người lao động cho rằng họ vẫn lựa chọn quay trở lại nghề cũ khai thác thủy sản là 84% (Truyền và cs., 2020). Đáng chú ý, mặc dù còn nhiều diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhưng người lao động di cư vẫn hạn chế đầu tư sản xuất. Trong đó, trồng trọt là 3,95% và chăn nuôi là 3,15%, điều này là do đất đai để lâu không canh tác bị ngập mặn, khô hạn và quan trọng hơn hết nhiều năm đi làm ăn xa độ tuổi người lao động cũng lớn nên cũng gặp khó khăn khi sản xuất trở lại. Kết quả nghiên cứu này khẳng định nghiên cứu của Lê Đăng Bảo Châu (2018) khi hầu hết người lao động di cư rời quê hương tìm kiếm sinh kế mới bởi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hoạt động

sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do đất đai khô cằn (Châu và An, 2018).

Biểu đồ 3 cho thấy, việc lựa chọn hoạt động sinh kế cũng có sự khác nhau giữa nhóm nam lao động di cư và nữ lao động di cư. Trong đó, nam lao động di cư lựa chọn nghề đánh bắt thủy sản với tỷ lệ cao 53,5%, bởi lẽ đây là nghề có kinh nghiệm và không cần phải đầu tư nhiều vẫn có thể tạo ra thu nhập để ổn định sinh kế cho gia đình. Nữ lao động di cư cũng lựa chọn những công việc mà họ đã từng thực hiện trước đây ở nơi di cư đến như buôn bán, kinh doanh nhỏ lẻ (40%) và tham gia chế biến thủy sản tại các cơ sở kinh doanh ở địa phương (12,5%). Với những công việc này thì không đòi hỏi nhiều trình độ học vấn và tay nghề nhưng thu nhập vẫn tạm ổn để họ phụ giúp trang trải chi phí sinh hoạt gia đình và con cái học tập. Nhìn chung, người lao động di cư đã tìm kiếm được công việc nhưng vẫn chưa ổn định sau dịch COVID-19, cần phải có những chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và khuyến khích người lao động di cư đến trung tâm giới thiệu việc làm để đa dạng thêm những hoạt động sinh kế, chuẩn bị hành trang cho cuộc sống mới.



Biểu đồ 3. Hoạt động sinh kế thay thế của người lao động di cư ở lại quê

Nguồn: Khảo sát người lao động di cư (2024)

3.4. Những khó khăn thách thức ảnh hưởng đến khả năng phục hồi sinh kế của người lao động di cư

Mặc dù đã nỗ lực phục hồi sinh kế để cuộc sống ổn định sau dịch COVID-19 nhưng người lao động di cư vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khó khăn lớn nhất đối với người lao động di cư là nguồn vốn (45,9%) để đầu phát triển sinh kế trở lại. Hầu hết người lao động di cư gặp khó khăn về tài chính khi bị mất việc làm và giảm thu nhập, thậm chí nhiều người phải vay mượn và sử dụng toàn bộ số tiền tiết kiệm sau nhiều năm đi làm xa. Chính điều này dẫn đến người lao động không có kinh phí đầu tư mua máy móc, ghe thuyền (12,2%). Ngoài ra, khi phân tích nguồn vốn con người cho thấy người lao động di cư ở lại quê có trình độ văn hóa thấp. Người lao động di cư cũng nhận thức được khó khăn xuất phát từ rào cản bản thân họ là do trình độ học vấn còn thấp (7,15%). Do đó rất cần những chương trình đào tạo tay nghề, nâng cao trình độ và giới thiệu các lớp đào tạo nghề từ chính quyền địa phương cho người lao động di cư để hướng đến đa dạng sinh kế, đảm bảo thu nhập và cuộc sống ổn định.

Bảng 2 cũng cho thấy, người lao động di cư lựa chọn ở lại quê cần nhiều thời gian để hòa nhập cuộc sống mới ở quê (9,05%). Đặc biệt là phải tạo dựng lại cuộc sống, thích nghi với môi trường xã hội mới, điều này nhiều lúc làm bản thân họ trở nên căng thẳng và áp lực. Riêng đối với những người lao động di cư ở lại đã có gia đình càng gặp nhiều trở ngại và khó khăn hơn khi phải tìm kiếm trường học cho con, giấy tờ thủ tục đăng ký nơi cư trú để trở về địa phương. Vì vậy, thích nghi môi trường cũng là yếu tố quan trọng quyết định tiếp tục ở lại quê, cần có những quan tâm đặc biệt của chính quyền địa phương và cộng đồng để tránh tình trạng di cư ngược trở lại của người lao động di cư.

Chị Trần Thị H. ở Quảng Công chia sẻ: “Tôi và chồng trở về quê từ khi có dịch bệnh xuất hiện, trước đây tôi bán ăn sáng tại khu công nghiệp Đồng Nai. Thu nhập hàng tháng cũng tầm 10 triệu nhưng chỉ đủ trang trải cuộc sống. Nên khi dịch trở về tôi quyết định ở lại quê nhưng khó khăn nhất là những thủ tục hành chính về lại quê, xin trường cho con cái học. May mắn chính quyền địa phương vẫn tạo điều kiện”.

Bảng 5. Ý kiến về những khó khăn ảnh hưởng đến khả năng phục hồi sinh kế của người lao động di cư

Khó khăn ảnh hưởng đến phục hồi sinh kế	Đơn vị: %		
	Nam	Nữ	Trung bình
1. Trình độ học vấn còn thấp	7,3	7,0	7,15
2. Thiếu kinh nghiệm sản xuất trồng trọt và chăn nuôi	4,9	9,0	6,95
3. Thiếu diện tích đất sản xuất nông nghiệp	7,3	11,3	9,3
4. Thiếu nguồn vốn đầu tư	51,8	40,0	45,9
5. Chưa đầy đủ máy móc sản xuất, ghe thuyền khai thác thủy sản	15,5	9,0	12,25
6. Chưa tham gia HTX, tổ chức đoàn thể	0,9	8,0	4,45
7. Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương còn hạn chế	0,5	2,2	1,35
8. Khó khăn hòa nhập cuộc sống mới ở quê	7,5	10,6	9,05
9. Khác	4,3	2,9	3,6

4. KẾT LUẬN

Người lao động di cư đã có những quyết định ở lại quê sau nhiều tổn thương do đại dịch COVID-19 gây ra. Người lao động tìm kiếm các nguồn lực để phục hồi sinh kế tạo ra sự đa dạng trong các hoạt động sinh kế. Các hoạt động sinh kế đều tập trung vào tận dụng nguồn lợi từ biển như khai thác thủy sản đối với nam lao động di cư (51,8%) và chế biến thủy sản đối với nữ lao động di cư (12,5%). Bên cạnh đó, nghiên cứu đã làm rõ những khó khăn và thách thức mà người lao động di cư đang gặp phải như thiếu vốn là rất lớn với tỷ lệ (45,9%) và bản thân người lao động di cư trình độ tay nghề/học vấn còn thấp (7,15%).

Chính quyền cần tạo điều kiện và hỗ trợ người lao động di cư tham gia các lớp đào tạo nghề, nâng cao trình độ chuyên môn. Ngoài ra, thúc đẩy hỗ trợ các chương trình vay vốn tín dụng để người lao động có thể đầu tư phát triển sinh kế. Người lao động di cư cần chuẩn bị tâm lý để hòa nhập vào cuộc sống mới, chấp nhận những rủi ro và thách thức có thể xảy ra khi quyết định ở lại quê. Người lao động di cư tiếp cận những chính sách hỗ trợ phát triển các du lịch cộng đồng để phát triển các mô hình kinh doanh mới phát triển sinh kế. Người lao động di cư tăng cường nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề với các lớp đào tạo của chính quyền địa phương.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Trường Đại học Nông Lâm (Mã số đề tài DHL-2023-03). Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Hiệp hội xúc tiến Khoa học Nhật Bản (Japan Society for the Promotion of Science - JSPS) KAKENHI (Mã số dự án 18KK0344).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

- Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam. (15/03/2022). Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025. Khai thác từ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>
- Đình Nhật Sơn và Nguyễn Viết Tuấn. (2019). Giải pháp phục hồi sinh kế của người dân khai thác thủy sản gần bờ bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển 2016 tại miền Trung: Nghiên cứu trường hợp tại xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Huế*, 3(1), 1147-1154.
- Lê Đăng Bảo Châu và Nguyễn Hữu An. (2018). Di cư lao động-Một chiến lược sinh kế của hộ gia đình nông thôn vùng ven biển hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Đại học Huế*.
- Lê Thị Hoa Sen, Trần Thị Ánh Nguyệt, Nguyễn Quang Phục và Nguyễn Trần Tiểu Phụng. (2022). Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với thu nhập và an ninh lương thực của

- hộ dân (nghiên cứu trường hợp hộ có người lao động di cư ở vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế). *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (23), 279.
- Phan Thị Phương Thảo. (2023). Phát triển du lịch tỉnh thừa thiên huế: thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển*, 84-92.
- Phạm Văn Quyết, Huệ Phạm Văn và Hùng Đình Quang. (2022). Sinh kế của lao động di cư tự do tại Thành phố Hà Nội trong đại dịch Covid-19. *VNU Journal of Social Sciences and Humanities*, 8(1), 95-109.
- Nguyễn Ngọc Truyên, Thuyết Cao Thị, Thành Nguyễn Văn và Phương Lê Thị Hồng. (2020). Ảnh hưởng, ứng phó và kết quả phục hồi sinh kế của ngư dân Khai thác thủy sản gần bờ tỉnh Thừa Thiên-Huế sau sự cố môi trường biển (Formosa) năm 2016. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 9, 142-150.
- Nguyễn Hữu Phước. (2022). *Tác động của đại dịch covid-19 đến thu nhập và đời sống của lao động làm ăn xa trở về, tập trung các xã ở khu vực ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế*. Được trình bày tại hội thảo “Tồn thương sinh kế và chiến lược thích ứng của các hộ gia đình có người di cư ở khu vực ven biển ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế trước tác động của đại dịch COVID-19, TP.Huế.
- Trần Thị Ánh Nguyệt, Lê Thị Hoa Sen, Hoàng Dũng Hà và Nguyễn Trần Tiểu Phụng. (2023). Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến việc làm và thu nhập của lao động di cư trở về tại vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế *Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Huế*, 7(1), 3465-3474.
- Tô Thế Nguyên, Nguyễn Mậu Dũng và Đồng Thanh Mai. (2021). Tác động của dịch bệnh Covid-19 tới lao động di cư: Nghiên cứu trường hợp tại xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, (19), 1343-1352.
- Trần Thanh Hồng Lan. (2022). Thích ứng sinh kế trong dịch Covid-19 của người lao động di cư phi chính thức tại thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (11), 279.
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. (15/10/2021). Tịch cực hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho lao động trở về từ vùng dịch. Khai thác từ <https://sldtbxh.thuathienhue.gov.vn/>

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

- Gautié Jérôme. (2011). La montée des incertitudes, travail, protections, statut de l'individu, R. Castel. Seuil, Paris (2009). 459 pp. *Sociologie du travail*, 53(2), 281-282.
- Krippendorff Klaus. (2018). Content analysis: An introduction to its methodology. *Sage Publications*, 234, 53.
- Sen Le Thi Hoa, Bond Jennifer, Ty Pham Huu, & Phuong Le Thi Hong. (2022). The Impacts of COVID-19 on Returned Migrants' Livelihood Vulnerability in the Central Coastal Region of Vietnam. *Sustainability*, 15(1), 484.
- Yazdanpanah Masoud, Tajeri Moghadam, Maryam Savari, Moslem Zobeidi, Tahereh Sieber, Stefan & Löhr Katharina. (2021). The impact of livelihood assets on the food security of farmers in Southern Iran during the COVID-19 pandemic. *International journal of environmental research and public health*, 18(10), 5310.